

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét Văn bản số 58/TTYT ngày 20/5/2025 của Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai Cơ sở 2 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 215/TTr-SNNMT ngày 28/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai (địa chỉ: Tổ dân phố 3A, thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai Cơ sở 2 tại Tổ dân phố 1, thị trấn Cát Tiên, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai Cơ sở 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 1, thị trấn Cát Tiên, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Quyết định số 159/QĐ/UB-TC ngày 29/3/1989 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Cát Tiên (Nay là Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai Cơ sở 2).

- Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai trên cơ sở nhập nguyên hiện trạng Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai, Trung tâm Y tế huyện Đạ Tẻh và Trung tâm Y tế huyện Cát Tiên.

1.4. Mã số thuế: 5800179820.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

a) Tổng diện tích: 13.981,5 m².

b) Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2022/NĐ-CP.

c) Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

d) Công suất: 70 giường bệnh.

đ) Quy trình hoạt động của cơ sở: Khách đến (Bệnh nhân và thân nhân người bệnh) → Thực hiện khám chữa bệnh, lấy thuốc → Thanh toán viện phí → Rời trung tâm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày giấy phép này ban hành.

Kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực, các văn bản sau đây hết hiệu lực:

- Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 05/05/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng Trung tâm Y tế huyện Cát Tiên”;

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ nhất) số 93/GP-UBND ngày 01/12/2021 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Đa Huoai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Đa Huoai;
- Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Ngọc Phúc



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **#6** /GPMT-UBND ngày **09** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, bệnh nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu giặt sấy.
- Nguồn số 03: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối nước, nhánh thuộc hệ thống lưu vực sông Đồng Nai đoạn chảy qua địa bàn thị trấn Cát Tiên, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối nước, nhánh thuộc hệ thống lưu vực sông Đồng Nai đoạn chảy qua địa bàn thị trấn Cát Tiên, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- Tọa độ vị trí xả thải: $X (m) = 1280827$, $Y (m) = 456771$ theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° .

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; tương đương khoảng $1,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy theo ống nhựa uPVC $\varnothing 90$ dài 40m về vị trí xả thải và phương thức xả nước thải là tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT cột B, hệ số $K = 1,2$ (áp dụng cho cơ sở khám, chữa bệnh khác); Cụ thể như sau:

TT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
11	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú:

- Khuyến khích Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của Cơ sở theo khoản 6 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường.

- Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải y tế khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước sinh hoạt phát sinh chủ yếu tại Trung tâm bao gồm: Nước tắm rửa, nước thải nhà vệ sinh,... Đối với nước thải nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó tiếp tục chảy về HTXLNT tập trung bằng các tuyến ống uPVC Ø140. Riêng nước thải từ hoạt động vệ sinh cá nhân (rửa tay, chân) từ các Lavabo được thu gom trực tiếp bằng các tuyến ống nhựa uPVC Ø140 về HTXLNT tập trung. Cụ thể từng khối nhà như sau:

+ Nước thải từ Khoa khám chữa bệnh: Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sẽ được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại, nước được xử lý qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân chảy ra 01 hố ga, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống dẫn nước từ khoa khám chữa bệnh về HTXLNT tập trung là ống uPVC Ø140 với tổng chiều dài 55 m.

+ Nước thải từ Khoa cấp cứu: Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sẽ được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại, nước được xử lý qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân chảy ra 01 hố ga, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống dẫn nước từ khoa cấp cứu về HTXLNT tập trung là ống uPVC Ø140 với tổng chiều dài 85 m.

+ Nước thải từ Khoa Nội – Nhi – Truyền nhiễm: Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sẽ được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại, nước được xử lý qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân chảy ra 01 hố ga, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống dẫn nước từ khoa Nội – Nhi – Truyền nhiễm về HTXLNT tập trung là ống uPVC Ø140 với tổng chiều dài 110 m.

+ Nước thải từ Khoa Ngoại – Liên chuyên khoa: Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sẽ được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại, nước được xử lý qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân chảy ra 01 hố ga, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống dẫn nước từ Khoa Ngoại – Liên chuyên khoa về HTXLNT tập trung là ống uPVC Ø140 với tổng chiều dài 50 m.

+ Nước thải từ Khoa Phụ sản: Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sẽ được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại, nước được xử lý qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân chảy ra 01 hố ga, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống dẫn nước từ Khoa Phụ sản về HTXLNT tập trung là ống uPVC Ø140 với tổng chiều dài 75 m.

+ Nước thải từ Khoa Cận lâm sàng – Dược: Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sẽ được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại, nước được xử lý qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân chảy ra 01 hố ga, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống dẫn nước từ Khoa Cận lâm sàng – Dược về HTXLNT tập trung là ống uPVC Ø140 với tổng chiều dài 100 m.

- Số lượng bể tự hoại: 09 bể. Mỗi bể có thể tích: 9,84 m³.

1.1.2. Nước thải từ khu nhà giặt:

Nước thải phát sinh từ hoạt động giặt của khu hấp sấy tập trung được thu gom trực tiếp về HTXLNT qua 02 hố ga, sau đó đổ vào hệ thống xử lý nước thải, chiều dài các tuyến ống là ống uPVC Ø140 tổng chiều dài 70 m.

1.1.3. Nước thải y tế:

Nước thải y tế gồm nước thải rửa dụng cụ, nước thải từ phẫu thuật, điều trị, khám chữa bệnh, xét nghiệm, ... từ các khoa của nhà chính được dẫn vào hố ga thu gom nước thải trước hệ thống xử lý bằng hệ thống ống HDPE Ø140, chiều dài khoảng 100 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Số lượng: 01 HTXLNT;
- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải của HTXLNT tập trung: Nước thải → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí FBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Rỉ mật mía, clorin viên nén.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ mở nắp thăm và vệ sinh cặn rác bên trong hố gom nước thải để tránh bị tắt nghẽn.
- Cử cán bộ thường xuyên vận hành và kiểm tra các máy móc thiết bị cũng như tình trạng của vi sinh đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Bảo trì, bảo dưỡng, thu gom bùn thải,... HTXLNT định kỳ hàng năm.
- Trong trường hợp sự cố đối với HTXLNT: toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được chứa tạm vào bể thiếu khí Anoxic có thể tích $21,7 \text{ m}^3$ (thời gian lưu nước tại bể khoảng 18 giờ) chờ khắc phục sự cố xong sẽ xử lý lại từ đầu và đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng quy chuẩn xả thải. Trong thời gian khắc phục sự cố hạn chế tối đa việc phát sinh nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: một (01) hệ thống xử lý có công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^\circ 45'$, múi giờ 3°): $X = 1280827$, $Y = 456771$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6. Phần A phụ lục này.

3.2. Đối với vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải:

a) Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

b) Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

c) Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

d) Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **46**/GPMT-UBND ngày **09** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải từ lò đốt rác thải y tế tại Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai Cơ sở 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Khí thải lò đốt sau khi xử lý sẽ qua ống khói để phát tán ra ngoài, ống khói có đường kính 300 mm và chiều cao 22 m, có tọa độ: X (m): 1280791; Y(m): 456825 theo tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0 .

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.415,7 m³/giờ; 9.662,8 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn (4 giờ/ngày); chu kỳ xả là 02 ngày/lần.

2.2.2. Chất lượng khí thải sau khi xử lý trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (QCVN 02:2012/BTNMT, Cột B – Áp dụng đối với lò đốt chất thải rắn y tế được lắp đặt trong khuôn viên của cơ sở y tế) như sau:

STT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 02:2012/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	50		
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	200		
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	300		
5	Nitơ oxýt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		

6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
7	Cadimi và hợp chất theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16		
8	Chì và các hợp chất theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2		

Ghi chú:

- Khuyến khích Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai thực hiện quan trắc định kỳ khí thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải của cơ sở theo khoản 6 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường.

- Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

Khí thải phát sinh trong quá trình đốt tại buồng đốt sơ cấp được tiếp tục xử lý tại buồng đốt thứ cấp, sau đó đi qua buồng đốt bổ sung và tách bụi để giúp giảm lượng bụi, sau đó được qua ống hút Ejecter để chuyển đổi năng lượng áp suất của một dòng chất lỏng chuyển động thành năng lượng vận tốc để hình thành một vùng áp suất thấp tại đó có thể rút ra và đẩy vào một dòng chất lỏng hút và khí thải sau đó khí thải được thải ra ngoài môi trường theo ống khói có đường kính ống Φ300 mm, chiều cao 22 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Sơ đồ công nghệ của lò đốt: Rác thải → Buồng đốt sơ cấp → Buồng đốt thứ cấp → Buồng đốt bổ sung và tách bụi → Ống Ejecter → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 30 kg/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Không

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện kiểm định lò đốt rác và các thiết bị của lò đốt rác theo đúng quy định hiện hành.

- Công nhân vận hành lò đốt rác được đào tạo chuyên môn vận hành lò đốt rác, phải nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động của lò đốt rác. Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn đặt tại nơi làm việc. Trong quá trình vận hành thường xuyên theo dõi giám sát, kiểm tra các thông số lò đốt rác.

- Khi lò đốt gặp sự cố phải tạm thời lưu trữ tại kho, nhanh chóng tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố, phải xử lý lượng chất thải đã lưu chứa đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Khí thải lò đốt tại ống khói có tọa độ: X (m): 1280791; Y(m): 456825 theo tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3^0 .

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm lò đốt rác y tế theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đối với vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải:

a) Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

b) Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

c) Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

d) Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



15

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **A6**/GPMT-UBND ngày **09** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung

TT	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Tuân thủ quy trình vận hành của máy phát điện an toàn theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng riêng, xung quanh làm bằng gạch có diện tích 3,3 x 5 m nằm xa khu vực các phòng khoa khám chữa bệnh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **#6** /GPMT-UBND ngày **09** tháng **6**
năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái (thể) tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại không lây nhiễm				850
1	Chai, lọ thuốc, lọ vacxin có chứa thành phần nguy hại	18 01 04	Rắn	KS	40
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	20
3	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng chứa thủy ngân và các KLN	13 03 02	Rắn	NH	20
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	50
5	Bao bì nhựa cứng thải (chai, can đựng hóa chất,..)	18 01 03	Rắn	KS	50
6	Bao bì kim loại cứng thải (bình xịt côn trùng,...)	18 01 02	Rắn	KS	30
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	NH	50
8	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	KS	50
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Rắn	KS	10
10	Tro xỉ có thành phần nguy hại	12 01 05	Rắn	KS	500
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	30
II	Chất thải lây nhiễm				5.264
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Rắn	NH	3.214
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		Rắn		2.000
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		Rắn		50
Tổng					6.114

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Giấy các loại, chai nhựa, can nhựa: 96 kg/năm

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 40,88 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: (bao gồm kim tiêm, dao mổ,...): 15 hộp đựng có dung tích 3 lít, có thành và đáy cứng không bị xuyên thủng, có khả năng chống thấm, kích thước phù hợp, có nắp đậy.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: (găng tay, dụng cụ đũa lược đã qua sử dụng...): 26 thùng chứa, trong đó có 10 thùng chứa 15 lít, 14 thùng chứa 20 lít và 02 thùng chứa 120 lít, có lót túi màu vàng làm bằng nhựa PP.

+ Chất thải nguy cơ lây nhiễm cao: 03 thùng dung tích 30 lít, có túi đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: 11 thùng chứa, trong đó có 02 thùng chứa 120 lít, 02 thùng chứa 100 lít; 07 thùng chứa 60 lít bằng nhựa PP có nắp đậy, bên ngoài có dán tên. Bùn thải được lưu tại 01 bể chứa bùn có thể tích là 2 m³.

b) Kho lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm: Sau khi phân loại, chất thải lây nhiễm sẽ được thu gom và tập kết về kho chứa có diện tích 7,0 m², phía trên bằng tôn và đặt tại khu vực phía sau trung tâm gần với lò đốt chất thải y tế. Chất thải lây nhiễm sẽ được đốt bằng lò đốt tại trung tâm.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Kho chứa có diện tích 7,0 m² xung quanh xây gạch lên 01 m; phía trên đóng kín bằng tôn, mái phủ bằng tôn và có biển cảnh báo CTNH, trong kho đã trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ như cát khô để sử dụng trong trường hợp rò rỉ đổ tràn CTNH ở dạng lỏng, có biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế (giấy các loại, chai nhựa, can nhựa,...): được thu gom chứa vào 02 thùng xanh 120 lít đặt tại khu vực lưu chứa có diện tích 2,0 m².

b) Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích các kho: Tái chế: 03 m²

- Thiết kế cấu tạo của các kho: Kho được tường gạch, nền xi măng và mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường không tái chế: Bố trí 08 thùng dung tích 30 lít/thùng, 75 thùng dung tích 15 lít/thùng có nắp đậy, bên trong thùng chứa có lót các túi màu xanh được làm bằng vật liệu nhựa PE, trên thùng có dán nhãn để nhận biết bố trí ở các vị trí cần thiết sau đó được thu gom về 04 thùng rác 120 lít và được lưu chứa tại kho chứa 02 m².

b) Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích các kho: Không tái chế: 02 m².

- Thiết kế cấu tạo của các kho: Được bố trí gần khu vực lưu trữ chất thải nguy hại nằm phía cuối Trung tâm.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; chuyển giao chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận

chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **46** /GPMT-UBND ngày **09** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Trung tâm Y tế huyện Đa Huoai thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
2. Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.
5. Thu gom, xử lý nước mưa theo quy định hiện hành, nước mưa được thu gom vào mương thoát nước mưa chung khu vực.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) trước ngày 15/01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu để xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố

khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định liên quan nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
